

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TP

Thành phố Thủ Đức, ngày tháng năm 2023

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO TRUNG ƯƠNG, TP. HỒ CHÍ MINH
BAN HÀNH TRONG THÁNG 9 NĂM 2023

STT	SỐ VBQPPL	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG	CƠ QUAN BAN HÀNH	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	NGUỒN
1	Nghị định 73/2023/NĐ-CP	29/09/2023	Nghị định quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung	Chính phủ	29/09/2023	Căn cứ dữ liệu trên trang Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (https://vbpl.vn)
2	Nghị định 70/2023/NĐ-CP	18/09/2023	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam	Chính phủ	18/09/2023	
3	Quyết định 11/2023/QĐ-KTNN	06/09/2023	Ban hành Quy định danh mục hồ sơ kiểm toán; chế độ nộp lưu, bảo quản, khai thác và hủy hồ sơ kiểm toán	Kiểm toán nhà nước	21/10/2023	
4	Thông tư 06/2023/TT-BTP	18/09/2023	Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc	Bộ Tư pháp	20/11/2023	

			ngành , lĩnh vực tư pháp			
5	Thông tư 06/2023/TT- BNNPTNT	12/09/2023	Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn	01/11/2023	
6	Thông tư 06/2023/TT- BXD	08/09/2023	Thông tư hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị	Bộ xây dựng	10/11/2023	
7	Thông tư 14/2023/TT- BNV	05/09/2023	Thông tư ban hành quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ	Bộ nội vụ	16/10/2023	
8	40/2023/QĐ- UBND	11/09/2023	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	UBND TP. HCM	22/09/2023	Căn cứ dữ liệu trên Công báo Thành phố Hồ Chí Minh
9	39/2023/QĐ- UBND	11/09/2023	Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.		22/09/2023	
10	38/2023/QĐ- UBND	05/09/2023	Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh.		15/09/2023	
11	37/2023/QĐ- UBND	05/09/2023	Ban hành Quy định việc rà soát, công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý, việc lấy ý kiến người sử dụng đất liên kế và công khai việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liên kế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.		15/09/2023	

- **Lưu ý:** Các cơ quan, đơn vị có thể tra cứu toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực của cơ quan, đơn vị thông qua Bộ Pháp điển tại địa chỉ: <https://phapdien.moj.gov.vn>.

Nơi nhận:

- TT. Thành ủy;
- BTV Thành ủy;
- TT. UBND thành phố;
- Ủy viên UBND thành phố;
- Lưu: VT, Thù.

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Thị Hoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TP
V/v thực hiện tuyên truyền
Luật Giao thông đường thủy nội địa

Thành phố Thủ Đức, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thuộc thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân 34 phường.

Căn cứ Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tiếp tục tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Công văn số 13/ATGT-CATĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Ban An toàn giao thông thành phố Thủ Đức về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trong mùa mưa bão trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

Nhằm tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục, pháp luật liên quan đến quy định về giao thông đường thủy nội địa. Phòng Tư pháp – Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp thành phố Thủ Đức đề nghị các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân 34 phường phát huy hiệu quả vai trò của các phương tiện thông tin truyền thông, hệ thống loa phát thanh, chú trọng trong ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong phổ biến, giáo dục pháp luật và căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý, tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương có biện pháp phù hợp, nhanh chóng, kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về giao thông đường thủy nội địa đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, đoàn thể tại đơn vị và Nhân dân trên địa bàn.

Để thực hiện có hiệu quả tinh thần Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 04/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và công văn số 13/ATGT-CATĐ ngày 02/8/2023 của Ban An toàn giao thông thành phố Thủ Đức. Đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân 34 phường phối hợp tổ chức thực hiện./.

(Đính kèm Tờ gấp một số quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Bùi Văn Hữu

- Quy định các hành vi bị cấm trong giao thông đường thủy nội địa (Điều 8 Luật Giao thông đường thủy nội địa)

1. Phá hoại công trình giao thông đường thủy nội địa; tạo vật chướng ngại gây cản trở giao thông đường thủy nội địa.

2. Mở cảng, bến thủy nội địa trái phép; đón, trả người hoặc xếp, dỡ hàng hóa không đúng nơi quy định.

3. Xây dựng trái phép nhà, lầu quán hoặc các công trình khác trên đường thủy nội địa và phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

4. Đổ đất, đá, cát, sỏi hoặc chất thải khác, khai thác trái phép khoáng sản trong phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng; đặt cố định ngư cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản trên luồng.

5. Đưa phương tiện không đủ điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 24 của Luật này tham gia giao thông đường thủy nội địa; sử dụng phương tiện không đúng công dụng hoặc không đúng vùng hoạt động theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ quan đăng kiểm.

5a. Giao phương tiện cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường thủy nội địa.

6. Bố trí thuyền viên không đủ định biên theo quy định khi đưa phương tiện vào hoạt động; thuyền viên, người lái phương tiện làm việc trên phương tiện không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn không phù hợp.

7. Chờ hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ, động vật lớn chung với hành khách; chờ quá sức chờ người của phương tiện hoặc quá vạch dấu mốc nước an toàn.

8. Thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn hoặc có các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng.

9. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm; xâm phạm tính mạng, tài sản khi phương tiện bị nạn; lợi dụng việc xảy ra tai nạn làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn.

10. Vi phạm báo hiệu hạn chế tạo sóng hoặc các báo hiệu cấm khác.

11. Tổ chức đua hoặc tham gia đua trái phép phương tiện trên đường thủy nội địa; lạng lách gây nguy hiểm cho phương tiện khác.

12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, gây phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ; thực hiện hoặc cho phép thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

13. Các hành vi khác vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

- Quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện trong giao thông đường thủy nội địa (Theo Điều 24 Luật Giao thông đường thủy nội địa)

1. Đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 26 của Luật này;

b) Có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; kẻ hoặc gắn số đăng ký, vạch dấu mốc nước an toàn, ghi số lượng người được phép chở trên phương tiện;

c) Có đủ định biên thuyền viên và danh bạ thuyền viên theo quy định.

2. Đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải bảo đảm điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

3. Đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa và bảo đảm điều kiện an toàn như sau:

a) Thân phương tiện phải chắc chắn, không bị rò nước vào bên trong; phương tiện phải thấp một đèn có ánh sáng trắng ở nơi dễ nhìn nếu hoạt động vào ban đêm; phương tiện chở người phải có đủ chỗ cho người ngồi cân bằng trên phương tiện và có đủ áo phao hoặc dụng cụ cứu sinh cho số người được phép chở trên phương tiện;

b) Máy lắp trên phương tiện phải chắc chắn, an toàn, dễ khởi động và hoạt động ổn định;

c) Phương tiện phải được kẻ hoặc gắn số đăng ký, ghi số lượng người được phép chở trên phương tiện;

d) Phương tiện phải được sơn vạch dấu mốc nước an toàn và khi chở người, chờ hàng không được ngập qua vạch dấu mốc nước an toàn. Dấu mốc nước an toàn của phương tiện được sơn một vạch có màu khác với màu sơn mạn phương tiện; vạch sơn có chiều rộng 25 milimét, chiều dài 250 milimét nằm ngang trên hai bên mạn tại vị trí giữa của chiều dài lớn nhất của phương tiện; mép trên của vạch sơn cách mép mạn 100 milimét đối với phương tiện chờ hàng, cách mép mạn 200 milimét đối với phương tiện chở người.

4. Đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải bảo đảm điều kiện an toàn quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

5. Phương tiện phải bảo đảm còn niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ.”

- Quy định về điều kiện của người lái phương tiện giao thông đường thủy nội địa (Điều 35 Luật Giao thông đường thủy nội địa)

1. Người lái phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 5 tấn đến 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người phải có các điều kiện sau đây:

- a) Đủ 18 tuổi trở lên;
- b) Có chứng nhận đủ sức khỏe của cơ quan y tế và biết bơi;
- c) Có chứng chỉ lái phương tiện.

2. Người lái phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 5 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người phải đủ 15 tuổi trở lên, đủ sức khỏe, biết bơi, phải học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và được cấp giấy chứng nhận. Trường hợp sử dụng phương tiện vào mục đích kinh

doanh thì độ tuổi của người lái phương tiện phải tuân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đào tạo, cấp chứng chỉ lái phương tiện, giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa cho người lái phương tiện.

- Quy định về vận tải hành khách ngang sông (Điều 79 Luật Giao thông đường thủy nội địa)

1. Phương tiện vận tải hành khách ngang sông phải bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 24 của Luật này.

2. Ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 78 của Luật này, thuyền trưởng, người lái

phương tiện vận tải hành khách ngang sông phải thực hiện các quy định sau đây:

- a) Có đủ dụng cụ cứu sinh còn hạn sử dụng và bố trí đúng nơi quy định;
- b) Hướng dẫn hành khách lên, xuống; sắp xếp hàng hóa, hành lý; hướng dẫn hành khách ngồi bảo đảm ổn định phương tiện;
- c) Chỉ được cho phương tiện rời bến khi hành khách đã ngồi ổn định, hàng hóa, hành lý, xe máy, xe đạp đã xếp gọn gàng và sau khi đã kiểm tra phương tiện không chìm quá vạch dấu mớn nước an toàn;
- d) Không chở người quá sức chở người của phương tiện, chở hàng hóa quá trọng tải quy định.

3. Hành khách phải tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của thuyền trưởng, người lái phương tiện.

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa
sửa đổi năm 2014*



Năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TP
V/v thực hiện tuyên truyền
Luật Đường sắt

Thành phố Thủ Đức, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thuộc thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân 34 phường.

Thực hiện Công văn số 2488/UBND-QLĐT ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về tăng cường thực hiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường sắt Bắc – Nam (đoạn qua địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Nhằm phổ biến, tuyên truyền những nội dung có liên quan đến Luật Đường sắt. Phòng Tư pháp – Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp thành phố Thủ Đức đề nghị các cơ quan, đơn vị thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân 34 phường phát huy hiệu quả vai trò của các phương tiện thông tin truyền thông, hệ thống loa phát thanh, chú trọng trong ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong phổ biến, giáo dục pháp luật và căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Đường sắt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, đoàn thể tại đơn vị và Nhân dân trên địa bàn.

Để thực hiện có hiệu quả tinh thần Công văn số 2488/UBND-QLĐT ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân 34 phường phối hợp tổ chức thực hiện./.

(Đính kèm Tờ gấp quy định bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trong hoạt động đường sắt)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Bùi Văn Hữu

Trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trong hoạt động đường sắt

– Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, Điều 44 Luật Đường sắt năm 2017 quy định:

(1). Khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện các công việc: a) Lái tàu hoặc nhân viên đường sắt khác trên tàu dừng tàu khẩn cấp; b) Trưởng tàu tổ chức phân công nhân viên đường sắt và người có mặt tại nơi xảy ra tai nạn cứu giúp người bị nạn, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của người bị nạn, đồng thời phải báo ngay cho tổ chức điều hành giao thông đường sắt hoặc ga đường sắt gần nhất; trường hợp tàu, đường sắt bị hư hỏng, trưởng tàu lập biên bản báo cáo về vụ tai nạn và cung cấp thông tin liên quan đến vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp tàu, đường sắt không bị hư hỏng, trưởng tàu tiếp tục cho tàu chạy sau khi đã lập biên bản báo cáo về vụ tai nạn và cử người thay mình ở lại làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Tổ chức điều hành hoặc ga

đường sắt khi nhận được tin báo phải có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an và Ủy ban nhân dân nơi gần nhất để xử lý, giải quyết tai nạn đường sắt; d) Cơ quan Công an và Ủy ban nhân dân nơi gần nhất khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt có trách nhiệm đến ngay hiện trường để giải quyết;

(2). Đối với đoàn tàu không bố trí trưởng tàu, khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, ngoài việc dừng tàu khẩn cấp thì lái tàu phải thực hiện các nhiệm vụ của trưởng tàu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44 Luật Đường sắt năm 2017. Trường hợp tàu, đường sắt không bị hư hỏng, lái tàu chỉ được phép tiếp tục cho tàu chạy sau khi đã lập biên bản báo cáo về vụ tai nạn và cử nhân viên đường sắt khác thay mình ở lại làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(3). Người điều khiển phương tiện giao thông khác khi đi qua nơi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt có trách nhiệm chờ người bị nạn đi cấp cứu, trừ trường hợp đang làm nhiệm vụ khẩn cấp;

(4). Ủy ban nhân dân các cấp nơi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Công an, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt cứu giúp người bị nạn, bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp có người

chết không rõ tung tích, không có thân nhân hoặc thân nhân không có khả năng chôn cất thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn có trách nhiệm tổ chức chôn cất;

(5). Mọi tổ chức, cá nhân không được gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt và hoạt động giao thông vận tải đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt;

(6). Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt; phân tích, thống kê báo cáo về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

– Về trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trong hoạt động đường sắt của lực lượng Công an, Điều 47 Luật Đường sắt năm 2017 quy định:

(1). Lực lượng Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện tham gia giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật;

b) Điều tra xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường sắt;

c) Chủ trì, phối hợp với thanh tra giao thông, lực lượng bảo vệ đường sắt và

cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trong hoạt động đường sắt;

(2). Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, nội dung kiểm tra, kiểm soát xử lý vi phạm và điều tra xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt.

– Về trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trong hoạt động đường sắt của Ủy ban nhân dân nơi có đường sắt đi qua, Điều 48 Luật Đường sắt năm 2017 quy định: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các nội dung:

(1). Phổ biến, giáo dục pháp luật trong việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường sắt;

(2). Khi giao đất, cho thuê đất dọc ngoài hành lang an toàn giao thông đường sắt phải bố trí đất để xây dựng đường gom, cầu vượt, hầm chui, hàng rào để bảo đảm an toàn giao thông đường sắt;

(3). Thực hiện các biện pháp bảo vệ, chống lấn chiếm hành lang an toàn

giao thông đường sắt và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt;

(4). Quản lý, tăng cường các điều kiện an toàn giao thông tại lối đi tự mở; giảm, xóa bỏ các lối đi tự mở hiện có theo lộ trình; chịu trách nhiệm trong việc phát sinh lối đi tự mở mới;

(5). Bảo đảm kinh phí để thực hiện công tác bảo đảm an toàn giao thông trong phạm vi trách nhiệm của địa phương;

(6). Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật;

(7). Tham gia giải quyết tai nạn giao thông đường sắt theo quy định tại Điều 44 của Luật Đường sắt năm 2017;

(8). Người đứng đầu địa phương nơi có đường sắt đi qua phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra tai nạn giao thông đường sắt trên địa bàn mình quản lý theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

QUY ĐỊNH BẢO ĐẢM AN NINH, TRẬT TỰ, AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG ĐƯỜNG SẮT

*(Căn cứ Luật Đường sắt năm
2017, có hiệu lực thi hành từ ngày
01/7/2018)*

